Tờ thông tin kỹ thuật sản phẩm

Trước đây Được biết As: **Shell Morlina**

Shell **Morlina** *S2 B 220*

- Bảo vệ tin cậy
- Ứng dụng công nghiệp
- Tách nước tốt

Dầu tuần hoàn & Ổ đỡ công nghiệp

Shell Morlina S2 B là dầu chất lượng cao được đặc chế nhằm mang lại khả năng chống oxy hóa và tách nước ưu việt dùng cho hầu hết các ứng dụng có hệ thống dầu bôi trơn tuần hoàn và ổ đỡ công nghiệp và trong một số ứng dụng công nghiệp khác không đòi hỏi loại dầu có tính năng chịu cực áp (EP). Sản phẩm này đáp ứng các tiêu chuẩn của Công ty xây dựng Morgan và Danieli đối với các loại dầu ổ đỡ thông dụng.

DESIGNED TO MEET CHALLENGES

Các Tính năng & Lợi ích

- **Tuổi thọ dầu cao - Tiết kiệm chi phí bảo dưỡng**
  Shell Morlina S2 B được pha chế với hệ phụ gia chống oxy hóa và rỉ sét đã được kiểm chứng nhằm duy trì khả năng bảo vệ và chất lượng dầu ổn định trong suốt kỳ bảo dưỡng.
- **Bảo vệ chống ăn mòn & mài mòn tin cậy**
  Shell Morlina S2 B giúp kéo dài tuổi thọ của ổ đỡ và hệ thống tuần hoàn thông qua:
  - Khả năng tách nước tuyệt vời giúp đảm bảo duy trì lớp màng dầu quan trọng giữa các chi tiết chịu tải trọng cao.
  - Khả năng tách khí tốt giúp giảm thiểu tạo bọt và hư hỏng các bơm tuần hoàn.
  - Giúp bảo vệ chống lại ăn mòn, oxy hóa và hình thành nhũ tương ngay cả khi nhiễm nước.
- **Duy trì hiệu suất hệ thống**
  Shell Morlina S2 B được pha chế với dầu gốc được tinh chế, chất lượng cao nhằm nâng cao đặc tính tách nước và tách khí tốt để đảm bảo bôi trơn hiệu quả các hệ thống và máy móc.

Các Ứng dụng chính

- Các hệ thống tuần hoàn trên thiết bị
- **Các ổ đỡ sử dụng dầu bôi trơn**
  Thích hợp cho các ổ đỡ trượt và ổ đỡ lăn và các ứng dụng công nghiệp thông thường.
- **Các ổ đỡ Roll-neck**
- **Các hộp số công nghiệp kín**
  Các hộp số chịu tải trọng thấp và trung bình không yêu cầu loại dầu bôi trơn có tính năng chịu cực áp EP.
- Bôi trơn xy lanh cho các máy nén khí ga tịnh tiến

Các Tiêu chuẩn kỹ thuật, Chấp thuận & Khuyến nghị

- Danieli Standard 6.124249.F
- DIN 51517-1 C
- DIN 51517-2 CL
- Morgan MORGOIL® Lubricant Specification New Oil (Rev. 1.1) (MORGOIL là nhãn hiệu đăng ký kinh doanh của Morgan Construction Company)

  Để có danh mục đầy đủ các Khuyến cáo và Chấp thuận, có thể tham khảo Bộ phận Kỹ thuật Shell.

Khả năng tương thích & Hòa trộn

- **Tính tương thích với sơn**
  Shell Morlina S2 B tương thích với các vật liệu niêm kín và sơn thông thường được chỉ định dùng dầu gốc khoáng.

Các tính chất vật lý điển hình

Tính chất			Phương pháp	Shell Morlina S2 B 220
Cấp độ nhớt ISO			ISO 3448	220
Độ nhớt động học	@40°C	mm^2/s	ASTM D445	220
Độ nhớt động học	@100°C	mm^2/s	ASTM D445	18.3
Khối lượng riêng	@15°C	kg/m^3	ISO 12185	891
Chỉ số độ nhớt			ISO 2909	92
Điểm chớp cháy (COC)		°C	ISO 2592	280
Điểm đông đặc		°C	ISO 3016	-15
Rỉ sét, nước cất			ASTM D665A	Đạt
Thử nghiệm nhũ tương - @82°C (Trừ khi được ghi rõ tại *)		Phút	ASTM D1401	20
Thử nghiệm kiểm soát oxy hóa: TOST		Giờ	ASTM D943	1 300+
Thử nghiệm kiểm soát oxy hóa: RPVOT		Phút	ASTM D2272	200+
Thử nghiệm tạo bọt, Seq II		ml foam at 0/10 mins	ASTM D892	10/0

Các tính chất này đặc trưng cho sản phẩm hiện hành. Trong tương lai tính chất của sản phẩm có thể thay đổi phù hợp theo quy cách của Shell. *@54°C

Sức khỏe, An toàn & Môi trường

- **Để có thêm hướng dẫn về sức khỏe và an toàn, tham khảo thêm Bản dữ liệu an toàn sản phẩm Shell tương ứng từ http://www.epc.shell.com**
- **Bảo vệ môi trường**

  Tập trung dầu đã qua sử dụng đến điểm thu gom quy định. Không thải ra cống rãnh, mặt đất hay nguồn nước.

Thông tin bổ sung

- **Tư vấn**

  Tham khảo Đại diện Shell về các ứng dụng không được đề cập tại đây.

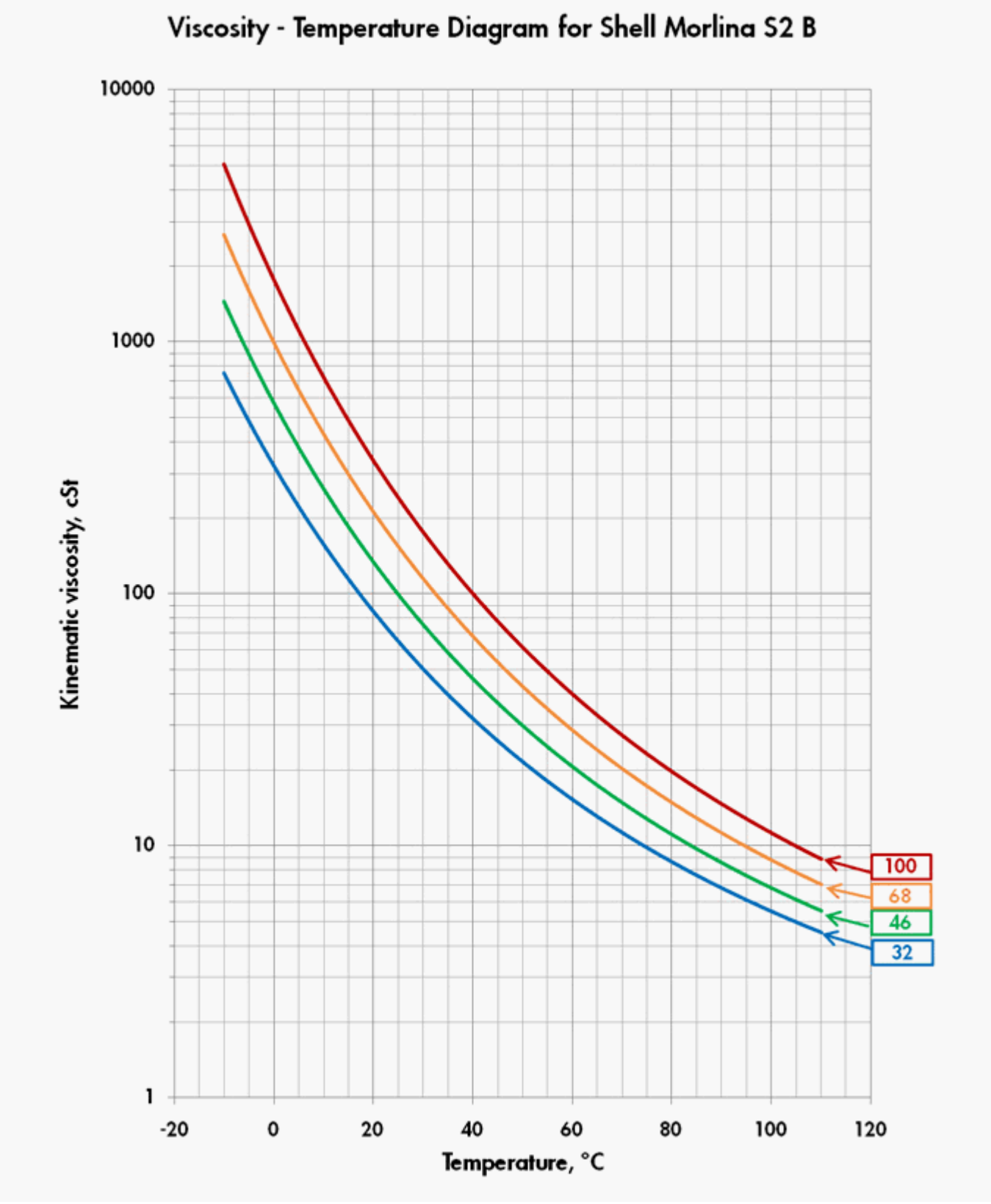
Viscosity - Temperature Diagram for Shell Morlina S2 B
Kinematic viscosity, cSt
10000
1000
100
10
1
-20
0
20
40
60
80
100
120
Temperature, °C
100
68
46
32

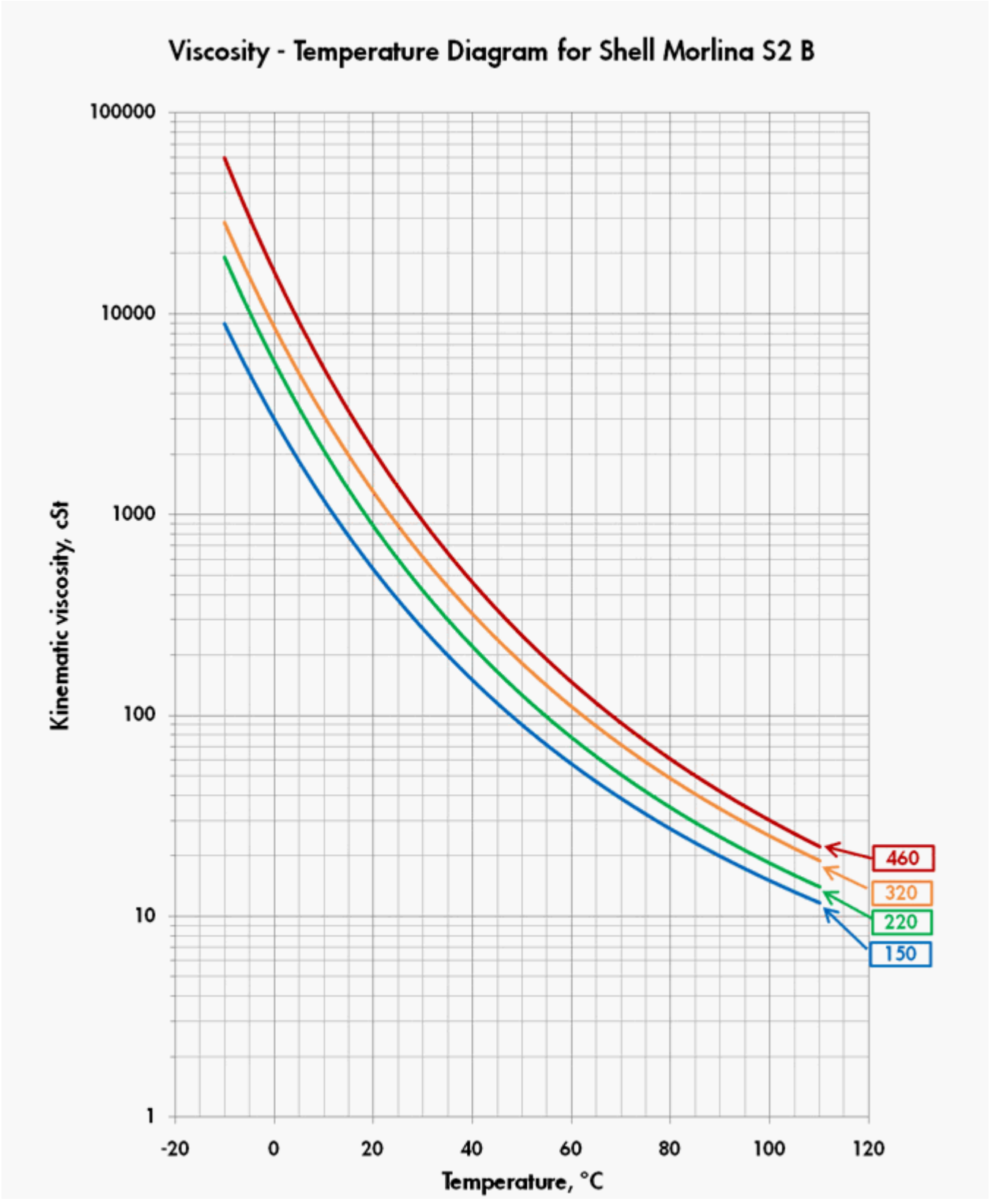
Viscosity - Temperature Diagram for Shell Morlina S2 B
Kinematic viscosity, cSt
100000
10000
1000
100
10
1
-20
0
20
40
60
80
100
120
Temperature, °C
460
320
220
150